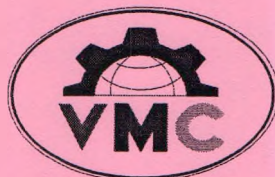


TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(PHẦN 1)

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2021

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

| TT | TÊN TÀI LIỆU | SỐ TRANG | TRANG |
|----|---|----------|-------|
| 1 | Chương trình Đại hội | 02 | 1-2 |
| 2 | Quy chế tổ chức Đại hội | 07 | 3-9 |
| 3 | Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 | 25 | 10-34 |
| 4 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021 | 03 | 35-37 |
| 5 | Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. | 04 | 38-41 |
| 6 | Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020. | 11 | 42-52 |
| 7 | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. | 02 | 53-54 |
| 8 | Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020. | 01 | 55 |
| 9 | Tờ trình phân phối thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021. | 03 | 56-58 |

Số: **879** /CTr-VMC

Quảng Ninh, ngày **06** tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Thời gian: Từ 8h00 ngày 27/4/2021

| TT | Nội dung | Người giới thiệu/thực hiện |
|----|---|--|
| 1 | Ôn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ | Ông Trần Quang Hưng Phó TP. TC-HC |
| 2 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Ông Trần Quang Hưng Phó TP. TC-HC |
| 3 | Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội | Ông Trần Quang Hưng Phó TP. TC-HC |
| 4 | - Giới thiệu đồng chủ tọa điều hành Đại hội - Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Thư ký và Ban kiểm tra tư cách cổ đông. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 5 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. | Ban Thẩm tra tư cách CD |
| 6 | Thông qua chương trình làm việc, Quy chế tổ chức của Đại hội. | Ông Trần Quang Hưng Phó TP. TC-HC |
| 8 | Biểu quyết thông qua chương trình làm việc, Quy chế Đại hội. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 9 | Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. | Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty |
| 10 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng nhiệm vụ 2021 | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 11 | Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |
| 12 | Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |
| 13 | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |

| TT | Nội dung | Người giới thiệu/thực hiện |
|------|--|-------------------------------------|
| 14 | Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020. | Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng |
| 15 | Tờ trình phân phối thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021. | Bà Phạm Thu Hương Kế toán trưởng |
| 16 | Tờ trình về việc sửa đổi, ban hành Điều lệ Công ty và các quy chế. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 16.1 | Thông qua dự thảo: Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. | Ông Lê Viết Sự Thành viên HĐQT |
| 16.2 | Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty | Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát |
| 17 | Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 18 | Ý kiến của của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 19 | Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 20 | Thông qua dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội | Thư ký Đại hội |
| 21 | Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |
| 22 | - Bế mạc Đại hội. - Thực hiện nghi lễ chào cờ. | Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT |

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGĐ, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 880 /QC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cung cấp.

Chương III:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc Chữ ký của

cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty; Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có). Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển

Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký: Đại hội Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm phiếu: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu: Có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2020
3. Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2020
5. Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021.
6. Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.
7. Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.
8. Thông qua việc sửa đổi, ban hành Điều lệ công ty, các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu
 - a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.
 - b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.
 - c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần

biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cô đồng trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cô đồng.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cô đồng/đại diện theo ủy quyền của cô đồng biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cô đồng thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cô đồng đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cô đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ.” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cô đồng đại diện của Cô đồng có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cô đồng hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cô đồng hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cô

đồng nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết đề đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/4/2021./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo ĐH (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Tư

Số: 881 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/4/2020 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm; Công ty đã ký kết được các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Chàm.

- Sự lãnh đạo nhất quán của Đảng ủy, HĐQT; Sự phối hợp đồng bộ giữa Ban Giám đốc với các tổ chức đoàn thể quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Hội cựu chiến binh tạo ra sức mạnh tổng hợp, khối đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị, đồng thuận, tin tưởng của người lao động đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh và đời sống.

- Công ty ban hành các giải pháp điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện. Duy trì dây chuyền cán thép vì lò hoạt động ổn định đạt công suất theo thiết kế góp phần tăng doanh thu của Công ty;

1.2. Khó khăn

Công ty tiếp tục gặp những khó khăn trong sản xuất kinh doanh đó là:

- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CB, CN, người lao động tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.

- Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị.

- Tình hình tài chính đã được cải thiện tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | KH 2020 | TH 2019 | TH 2020 | So KH 2020 (%) | So cùng kỳ 2019 (%) |
|----|--|----------------|-----------|-----------|-----------|----------------|---------------------|
| 1 | Doanh thu | tr.đ | 1.389.000 | 1.501.300 | 1.494.693 | 107,61 | 99,56 |
| 2 | Chi phí sản xuất | tr.đ | 1.378.700 | 1.487.082 | 1.482.550 | 107,53 | 99,70 |
| 3 | Giá trị sản xuất | tr.đ | 466.000 | 525.066 | 538.930 | 115,65 | 102,64 |
| 4 | Lao động bình quân | người | 870 | 860 | 860 | 98,85 | 100 |
| 5 | Tổng quỹ tiền lương | tr.đ | 86.742 | 98.707 | 99.208 | 114,37 | 100,51 |
| 6 | Tiền lương bình quân | Nghìn. đ/ng/th | 8.309 | 9.429 | 9.613 | 115,69 | 101,95 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đ | 10.300 | 14.219 | 12.143 | 118 | 85,4 |
| 8 | Cổ tức | % | 10 | 10 | 10 | 100 | 100 |
| 9 | Giá trị các dự án đầu tư | tr.đ | 19.944 | 29.463 | 17.602 | 88 | 59,74 |
| 10 | Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH | % | | 11,9 5 | 15,64 | | 130,88 |
| 11 | Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ | % | | 14,9 | 20,64 | | 138,52 |
| 12 | Nợ ngắn hạn | Tr.đ | | 413.660 | 458.197 | | 110,77 |
| | - Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn. | | | 174.405 | 182.303 | | 104,53 |
| 13 | Nợ dài hạn | Tr.đ | | 23.929 | 27.245 | | 113,86 |
| | - Trong đó: Vay và nợ dài hạn. | | | 20.320 | 24.200 | | 119,09 |
| 14 | Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH) | | | 0,71 | 0,77 | | 108,45 |

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

1.1. Về sản phẩm chủ yếu

* Sửa chữa thiết bị mỏ:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2020 đạt 62 thiết bị/KH 56 máy, bằng 111% KH đầu năm, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2019.

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2020 đạt: đạt 1.134 tấn/KH 1.500 tấn, bằng 76% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 325 tấn/600 tấn, bằng 54% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 6.235 cột/KH 6.000 cột, bằng 104% KH năm;

- Thiết bị theo dự án trong TKV: đạt 482 tấn/400 tấn, bằng 121% KH năm, chủ yếu là từ việc hoàn thành chế tạo các thiết bị, kết cấu thép cho Nhà máy Sàng tuyển than Khe Châm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 327 tấn/500 tấn, bằng 65% KH năm. Mặc dù sản lượng không đạt kế hoạch do bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, nhưng đây là một trong những sự cố gắng rất lớn của Công ty trong năm 2020 để trúng thầu chế tạo các phụ tùng, thiết bị cho Nhà máy cán thép Dung Quat của Tập đoàn Hòa Phát, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho các PX chế tạo kết cấu, cơ khí.

** Chế tạo, phục hồi phụ tùng:*

- Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 311 tấn/KH 600 tấn, bằng 52% KH năm;

- Phục hồi phụ tùng: đạt 414 tấn/KH 500 tấn, bằng 83% KH năm;

- Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 424 tấn/KH 500 tấn, đạt 85% kế hoạch năm.

Nguyên nhân sản lượng chế tạo, phục hồi phụ tùng không đạt theo kế hoạch do khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm đạt thấp (các loại răng gầu, thành gầu máy xúc giá thành sản xuất còn cao hơn so với các đơn vị ngoài TKV...).

** Sản xuất thép cán và vít chống lò:*

- Sản xuất thép cán đạt: 80.848 tấn/KH 71.000 tấn, bằng 114% KH năm và tăng 8% so với năm 2019; trong đó bán ra đạt 45.659 tấn/KH 40.500 tấn, bằng 113% KH năm.

- Chế tạo vít lò đạt: 34.891 tấn/KH 30.000 tấn, bằng 116% KH năm, tăng 14% cùng kỳ 2019.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị. Tuy giá thép lò năm 2020 giảm sâu so với cùng kỳ năm 2019 (giá bình quân năm 2019 là 14.299 đ/kg, năm 2020 là 13.450 đồng/kg, chênh lệch 849 đồng/kg tương đương với giảm giá trị doanh thu gần 80 tỷ đồng) song do sản lượng đạt cao nên góp phần hoàn thành chỉ tiêu doanh thu trong năm 2020.

1.2. Lợi nhuận

Lợi nhuận năm 2020 đạt 12,143 tỷ đồng/KH 10,3 tỷ đồng, đạt 118%.

1.3. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giản lao động quản lý, phục vụ phụ trợ, đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 860 người/định mức 870 người, bằng 99%; Tiền lương bình quân đạt 9.613.000/KH 8.309.000 đồng/người/tháng, đạt 115% KH năm.

2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác

2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2019, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Đã đáp ứng nhu cầu việc làm ở mức cao cho toàn thể người lao động;

- Về cơ bản, đã duy trì thị trường về những sản phẩm thế mạnh của Công ty đã được Tập đoàn TKV phân công thị trường trong hợp đồng phối hợp kinh doanh như sửa chữa thiết bị mỏ, sản xuất vỉ chống lò,...;

- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng chế tạo phụ tùng, thiết bị với các nhà máy cán thép của Tập đoàn Hòa Phát, chế tạo thiết bị phụ tùng cho Dự án Nhà máy sàng tuyển Khe Châm, sửa chữa các thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV;

- Tập trung vào phát triển ổn định sản phẩm chủ lực là cán thép vỉ lò đồng bộ 4 loại sản phẩm chính, tạo ra sản phẩm chủ lực cho Công ty;

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn không ít hạn chế: chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Trong năm 2020, Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả hợp giao ban sản xuất đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, từ đó đã thực hiện tốt tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vỉ chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, kết quả công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mỏ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất.

- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

- Chất lượng của sản phẩm đã được kiểm soát chặt chẽ từ khâu đầu vào, các nguyên công trong quá trình sản xuất, khâu bao gói xuất xưởng, tiếp nhận thông tin và giải quyết hài hòa các khiếu nại của khách hàng liên quan đến lĩnh vực chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục duy trì, đảm bảo tính hiệu lực, tính liên tục của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tuy nhiên chất lượng một số sản phẩm chưa thực sự ổn định (đặc biệt là các sản phẩm tạo phối từ đúc) làm ảnh hưởng tiến độ, uy tín, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

2.4. Công tác kỹ thuật và chế tạo sản phẩm mới

Trong năm 2020, công tác kỹ thuật và quản lý chất lượng đã bám sát kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vỉ lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác

hầm lò” đã được ban hành. Áp dụng phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) vào sản xuất để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm đúc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035 gắn liền việc đầu tư với tăng cường áp dụng Tin học hóa, Tự động hóa, trong đó đã thực hiện các giải pháp cụ thể: (i) Tự động hóa, hiện đại hóa các thiết bị gia công cắt gọt kim loại như máy tiện đứng cỡ lớn, máy phay đứng cỡ trung, máy tiện CNC cỡ trung, thiết bị nhiệt luyện bề mặt, lò ram tôi, hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt; (ii) Tin học hóa hệ thống quản lý nhân lực (công tác quản lý lao động, tiền lương tiền đến hợp nhất các phần mềm trở thành hệ thống giải pháp ERP) của Công ty; Tin học hóa quá trình thiết kế mô phỏng công nghệ đúc để phát hiện các khuyết tật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đúc; (iii) Đối với dây chuyền cán thép: lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống cắt và vận chuyển phối thép vào nhà xưởng để nâng cao mức độ tự động hóa quá trình cắt và vận chuyển phối, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

- Công tác thực hiện đề tài NCKH và sáng kiến: (i) Thực hiện đề tài: đã thực hiện và hoàn thành công tác quyết toán đề tài “Nghiên cứu Công nghệ, chế tạo thử nghiệm 01 bánh răng m30Z144 máy xúc ЭКГ 10m³ thay thế nhập khẩu” và đang triển khai thực hiện 02 đề tài cấp Tập đoàn; (ii) Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật: năm 2020 đã thẩm định và xét duyệt dự kiến được 73/87 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi gần 5 tỷ đồng góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai

Năm 2020, VMC tập trung triển khai và hoàn thành các dự án sau:

- Công trình chuyển tiếp: “Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất năm 2019-2020”: Hoàn thành, đưa vào sử dụng 03/03 gói thầu, cụ thể: (i) Máy nén khí 132 kW; (ii) Máy tiện CNC; (iii) Xe ô tô tự đổ (15-18) tấn, Xe ô tô đầu kéo \geq 35 tấn với giá trị thực hiện: 6.495 triệu đồng.

- Công trình khởi công mới: “Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ” đã triển khai thực hiện 06/06 gói thầu, trong đó:

+ Hoàn thành, đưa vào sử dụng 05 gói thầu: (i) Thiết bị nhiệt luyện bề mặt, công suất 250 kW; (ii) Hệ thống quản lý nhân lực; (iii) Phần mềm thiết kế công nghệ đúc; (iv) Cầu địa hình 30 tấn; (v) Công trực đảm đời 10 tấn.

+ Thực hiện ký hợp đồng Gói thầu Máy phát điện có bộ ATS.

+ Giá trị thực hiện hoàn thành: 10.877 triệu đồng.

- Quyết toán dự án hoàn thành:

+ Phê duyệt quyết toán 04 dự án hoàn thành gồm: (i) Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2017-2018; (ii) Dự án Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép; (iii) Dự án Chế tạo máy xúc lật hông VMC E500-1; (iv) Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2019.

+ Đối với Dự án Dây chuyền cán thép: Đơn vị Kiểm toán đã phát hành Báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, VMC đã tổ chức thẩm tra và trình HĐQT Công ty phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Số lượng thực hiện: 09/09 gói thầu, đạt 100% kế hoạch năm;

- Giá trị thực hiện: 17.602/19.944 (triệu đồng), tương ứng đạt 88% kế hoạch năm. Giá trị thực hiện thấp hơn kế hoạch do tiết kiệm chi phí đầu tư thông qua đấu thầu và 01 gói thầu hoàn thành ở tháng 01/2021;

- So với cùng kỳ năm 2019, giá trị thực hiện năm 2020 thấp hơn là do thực hiện quy định của TKV về việc chuyển dự án phục hồi tài sản cố định sang thực hiện kế hoạch sửa chữa tài sản cố định ở cấp trung tu hoặc bảo dưỡng 3.

2.6. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư năm 2020 đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định.

* Kết quả giá trị nhập - xuất vật tư tồn kho năm 2020:

ĐVT: tỷ đồng

| Tên vật tư, hàng hóa | Tồn đầu kỳ (31/12/2019) | Nhập kho | Xuất kho | Tồn cuối (31/12/2020) |
|-----------------------------|----------------------------|------------------|------------------|--------------------------|
| Tổng số | 41,910 | 1.258,681 | 1.256,915 | 43,677 |
| Vật liệu: | 41,874 | 1.209,551 | 1.207,748 | 43,677 |
| - Phôi thép | 0 | 911,506 | 911,506 | 0 |
| - Thép chống lò (mua ngoài) | 0 | 65,460 | 65,46 | 0 |
| - Thép làm cột chống | 2,179 | 7,663 | 7,522 | 2,320 |
| - Vật tư, phụ tùng khác | 21,020 | 212,843 | 215,710 | 18,153 |
| - Sắt thép phế liệu | 18,75 | 12,079 | 7,55 | 23,204 |
| Nhiên liệu | 0,360 | 49,130 | 49,490 | 0 |

Giá trị tồn kho cuối năm 2020 cao hơn so với cuối năm 2019 do sắt thép phế liệu thu hồi từ cán thép tăng, nhưng giá trị tồn kho vật tư cuối kỳ vẫn đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy định của TKV.

Nhìn chung, việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư của Công ty và hướng dẫn của Tập đoàn TKV. Các vật tư được cấp phát được căn cứ vào nhu cầu thực tế của sản xuất, vật tư nhập đến đâu được đưa vào sử dụng ngay đến đó, không để tồn kho kéo dài.

Mặc dù khối lượng vật tư luân chuyển qua các kho rất lớn, nhưng việc quản lý vật tư ở các kho được thực hiện khá tốt, trong năm không có hiện tượng hư hỏng, thất thoát vật tư.

Tuy nhiên, việc cung ứng vật tư cho một số các đơn hàng vật tư cho sửa chữa thiết bị trong Công ty đôi khi chậm so với yêu cầu sản xuất do máy móc cũ, hư hỏng phát sinh đột xuất nhiều, yêu cầu tiến độ gấp. Việc cung ứng vật tư cho sửa chữa đối với các thiết bị khai thác mỏ do LB Nga sản xuất như: Máy khoan điện, máy xúc điện,... do vật tư phụ tùng thay thế trên thị trường khan hiếm, nhập khẩu rất khó khăn, nhiều vật tư do đơn vị đặt sửa chữa nhượng, cấp chậm, không đầy đủ do đó có lúc cấp phát vật tư chưa đồng bộ vẫn còn một số vật tư phải bảo hành khi đưa thiết bị đưa sử dụng. Đối với các thiết bị do các nước G7 sản xuất (máy khoan, xúc thủy lực, máy gạt,...): vật tư phụ tùng cho sửa chữa các thiết bị này phải nhập khẩu, có thời gian

cung cấp lâu nhưng thời gian lập Biên bản giám định kỹ thuật và tổng nhất dự toán, phê duyệt dự toán chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp vật tư.

* Quản lý kho hàng bán thành phẩm và thành phẩm:

| STT | KHOẢN MỤC | ĐVT | TỶ ĐƯƠNG TỶ ĐƯƠNG 01/01/2020 | TỶ ĐƯƠNG TỶ ĐƯƠNG 31/12/2020 | CHÊNH LỆCH |
|-----|---------------------------------|---------|------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1 | Kho bán thành phẩm | tỷ đồng | 10,63 | 35,66 | + 25,03 |
| | <i>Trong đó: Dự trữ thép lò</i> | tỷ đồng | 6,97 | 32,23 | + 25,26 |
| 2 | Kho 155 | tỷ đồng | 14,44 | 20,28 | + 5,84 |

2.7. Công tác cơ điện và quản lý thiết bị

Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện quy định phân cấp quản lý vận hành, sửa chữa thiết bị cơ điện đảm bảo duy trì năng lực thiết bị, đảm bảo số lượng thiết bị huy động phục vụ sản xuất. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa các cấp thiết bị cơ điện, máy gia công cơ khí cũng được duy trì thường xuyên liên tục; 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm tra, kiểm định định kỳ như: Thiết bị nâng tải, thiết bị áp lực, thiết bị đo điện, trạm biến thế, dụng cụ điện, tiếp địa, áp kế,...vv nên các thiết bị luôn đảm bảo an toàn đáp ứng các hoạt động sản xuất của Công ty; Các thiết bị nâng vận tải, thiết bị áp lực được định kỳ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch đảm bảo phục vụ an toàn cho sản xuất. Kết quả cụ thể:

- Tình hình sử dụng thiết bị năm 2020:

| TT | Diễn giải | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------|----------|----------|---------|
| 1 | Tổng số thiết bị phục vụ sản xuất | Thiết bị | 224 | |
| 2 | Hệ số sử dụng thiết bị | % | 49 | |
| 3 | Ngừng do sửa chữa định kỳ | % | 1,6 | |
| 4 | Ngừng do sửa chữa đột xuất | % | 1,2 | |
| 5 | Ngừng do không việc | % | 47,4 | |
| 6 | Ngừng do mất điện | % | 0,4 | |
| 7 | Ngừng do nguyên nhân khác | % | 0,4 | |

- Thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị:

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | NĂM 2020 | | Tỷ lệ % (TH/KH) |
|----|-----------------------|---------|----------|--------|--------------------|
| | | | KH | TH | |
| 1 | Sửa chữa thường xuyên | Tr đồng | 15.470 | 20.272 | 131 |
| 2 | Sửa chữa đột xuất | Tr đồng | 2.000 | 1.862 | 93,1 |
| 3 | Sửa chữa cấp trung tu | Tr đồng | 19.315 | 19.232 | 99,6 |
| 4 | Sửa chữa cấp phục hồi | Tr đồng | - | - | - |

- Giá trị sửa chữa thường xuyên tăng so với kế hoạch do Công ty tăng cường công tác sửa chữa các thiết bị trong Dây chuyền cán thép theo Kế hoạch số 3235/QĐ-VMC ngày 23/10/2020. Đồng thời, sửa chữa nâng cấp mức độ tự động hóa cho các thiết bị như: Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Lò đốt chất thải nguy hại; Lò thâm các bon L160; bảo dưỡng, sửa chữa tổng thể máy tiện, máy phay CNC.

- Công tác quản lý năng lượng:

(i) Công ty tổ chức tốt việc định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo đúng kế hoạch; hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng tại phòng trực hệ thống kiểm soát, giám sát trên máy vi tính các tủ phân phối trong Trạm biến áp 35/6 kV.

(ii) Tình hình cung cấp điện năng năm 2020: Tổng sản lượng điện tiêu thụ là 11.955.673 kWh, trong đó:

+ Điện dùng cho sản xuất: 11.771.560 kWh;

+ Điện dùng cho sinh hoạt: 184.113 kWh;

(iii) Tình hình cung cấp nước:

+ Nước sạch mua vào (TH/KH): 182.923/167.940 m³;

+ Nước tuần hoàn: 521.455 m³.

Nhận xét: Tổng số các hạng mục sửa chữa theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%; công tác sửa chữa thường xuyên đã duy trì hoạt động của thiết bị; số lượng thiết bị hỏng đột xuất giảm; số lượng thiết bị được huy động vào sản xuất tăng. Trong năm đã tập trung hoàn thành việc: cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, Lò đốt chất thải nguy hại, Lò thâm các bon I160, Máy tiện đứng 1541, Máy phay đứng 6560; sửa chữa 04 thiết bị vận tải, xe cầu TADANO 50 tấn.

Hạn chế: Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị như tiêu tu, bảo dưỡng vẫn có thời điểm không đúng theo kế hoạch đã đề ra; trong công tác giám sát, quản lý vận hành thiết bị còn có thiết bị hư hỏng đột xuất.

2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

*** Công tác định mức**

Năm 2020, trên cơ sở bộ đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm, công việc thực hiện trong Công ty theo Quyết định số 1556/QĐ-VMC ngày 21/6/2019 đã thực hiện tốt công tác định mức đơn giá tiền lương, định mức phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất, ổn định tư tưởng cho người lao động và kịp thời định mức cho các mặt hàng mới đáp ứng tiến độ sản xuất.

*** Công tác quản lý lao động**

- Thường xuyên tiến hành rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối, điều động linh hoạt lao động đáp ứng cho sản xuất.

- Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ: Thực hiện chỉ đạo và hướng dẫn của TKV, năm 2020 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách. Cụ thể:

+ Về công tác định biên: Duy trì ổn định mô hình tổ chức theo Công văn hướng dẫn số 6198/TKV-TCNS là 07 phòng, 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh; giảm tuyệt đối số lượng lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ là 03 người.

+ Về công tác xã hội hóa: Tiếp tục thuê Công ty TNHH bảo vệ Hồng Hà thực hiện dịch vụ bảo vệ vòng ngoài, đảm bảo tốt về an ninh, an toàn tài sản trong Công ty.

+ Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2020 như sau:

| TT | Danh mục | Lao động đầu năm 2020 (Người) | Lao động đến cuối năm 2020 (Người) | Lao động tăng, giảm trong năm 2020 (Người) | Tỷ lệ lao động cuối năm 2020 (%) | Ghi chú |
|----|---------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--|----------------------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 6 | 7 |
| 1 | Lao động quản lý | 129 | 128 | -01 | 4,69 | |
| 2 | Lao động phục vụ, phụ trợ | 80 | 78 | -02 | 8,95 | |
| 3 | Lao động công nghệ | 629 | 665 | +39 | 86,36 | |
| | Tổng: | 838 | 871 | | | |
| | Trong đó: LĐ HĐ thời vụ: | 52 | 75 | | | |
| | Lao động Công ty: | 786 | 796 | 10 | 100 | |

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLĐ công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

| TT | Chỉ tiêu | Đ.vị tính | Thực hiện năm 2019 | KH năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ % | |
|----|--|-------------|--------------------|-------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | | | | | So với TH năm 2019 | So với KH năm 2020 |
| 1 | Lao động bình quân trong danh sách | Người | 860 | 870 | 860 | 99,56 | 107,61 |
| 2 | Tiền lương theo GTSX | Tr.đ | 98.707 | 86.742 | 99.208 | 102,64 | 115,65 |
| 3 | Tiền lương bình quân | 1000đ/ng/th | 9.429 | 8.309 | 9.613 | 101,95 | 115,69 |
| 4 | Năng suất lao động bình quân (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương) | Tr.đ /ng/th | 131,31 | 111,54 | 129,5 | 98,59 | 115,65 |

Công ty tiếp tục duy trì cơ chế khuyến khích trả lương cho các thợ đầu ngành (chuyên gia), khuyến khích thêm tiền lương hàng tháng bằng 01 tháng lương cơ bản đối với thợ đạt danh hiệu bàn tay vàng.

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động*

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty, cụ thể theo bảng sau:

Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2020

| TT | Nội dung | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện KH năm 2020 | Ghi chú |
|----------|--------------------------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------|
| 1 | Bảo hiểm xã hội | | | | |
| 1.1 | LĐ tăng | Người | | 68 | |
| 1.2 | LĐ giảm | Người | | 62 | |
| 1.3 | LĐ tham gia BHXH | Người | 870 | 776,25 | Bình quân |
| 1.4 | Quỹ lương | Đồng | 50.109.237.684 | 54.390.878.000 | |
| 1.5 | Số phải đóng | Đồng | 17.237.577.763 | 18.260.863.141 | |
| 2 | Giải quyết chế độ | | | | |
| 2.1 | Hưu trí | Người | 5 | 5 | |
| 2.2 | Tuất | Người | | 0 | |
| 2.3 | Dưỡng sức sau thai sản | Người | | 18 | |
| 2.4 | Dưỡng sức tập trung | | 40 | 54 | |
| 2.5 | Hoãn hợp đồng | Lượt người | | 7 | |
| 2.6 | Châm dứt HĐLĐ | Người | | 16 | |
| 2.7 | Giải quyết TNLĐ | Người | | 8 | |
| | Chi trả trợ cấp TNLĐ | Đồng | | 75.860.752 | |
| 2.8 | Phép năm | Người | | 769 | |
| | Cấp BHLĐ | Duyệt trang cấp theo đúng quy định | | | |

- Công ty thực hiện các giải pháp tăng cường cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền để nắm rõ tác hại về bệnh nghề nghiệp, cách nhận biết phòng tránh bệnh nghề nghiệp, nâng cao ý thức để bảo vệ mình tốt hơn. Công ty đã phối hợp với Bệnh viện Than - Khoáng sản tổ chức khám bệnh định kỳ, kiểm tra sức khỏe cho CB, CN, NLĐ và phân loại sức khỏe cho người lao động, lấy đó làm cơ sở phân công bố trí công việc phù hợp.

- Công ty thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, các biện pháp cách ly người đi đến/qua vùng dịch về theo đúng quy định và không có trường hợp dương tính với COVID-19.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bảo đảm tuyệt đối ATVSTP, tăng cường các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại công trường trong thời tiết nắng nóng.

2.9. Công tác tài chính kế toán

- Tình hình tài chính, công nợ:

+ Công tác thu xếp vốn: thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty như thanh toán tiền lương, tiền điện, BHXH, thanh toán các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán:

+ Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng: Năm 2020, vay ngân hàng số tiền là 478,4 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu sản xuất và đầu tư xây dựng.

+ Bảng chi tiết vay tiền:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Vay trong kỳ | Trả trong kỳ | Số dư cuối kỳ | Chênh lệch (+,-) |
|-----------|---------------------|--------------|--------------|--------------|---------------|------------------|
| I | Vay ngắn hạn | | | | | |
| | Năm 2020 | 158,99 | 463,52 | 450,56 | 171,95 | + 12,96 |
| II | Vay dài hạn | | | | | |
| | Năm 2020 | 35,74 | 14,9 | 16,09 | 34,55 | - 1,19 |

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Nội dung | Thuế TNDN | Thuế GTGT | Thuế đất | Thuế TNC N | Thuế khác | Tổng số tiền nộp thuế | Tiền BHXH |
|----|----------|-----------|-----------|----------|------------|-----------|-----------------------|-----------|
| 1 | Năm 2020 | 3.999 | 9.739 | 1.971 | 772 | 24 | 16.505 | 19.073 |

- **Tình hình thu hồi công nợ:** Ngay từ đầu năm Công ty đã quan tâm đến việc thu hồi công nợ theo Công văn 5666 của TKV, bằng nhiều biện pháp linh hoạt như gửi công văn, gặp trực tiếp với khách hàng, nhờ sự hỗ trợ của Tập đoàn TKV nên trong năm 2020 tình hình tài chính của Công ty đã đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất trong năm. Năm 2020 Công ty thu được 1.608,5 tỷ đồng/1.624,1 tỷ đồng số nợ phải thu khách hàng, số dư nợ phải thu khách hàng ngày 31/12/2020: 213,6 tỷ đồng, tăng 12,8 tỷ đồng so với đầu năm.

- Tình hình thanh toán cho người bán:

Do tình hình thu hồi công nợ được cải thiện nên việc thanh toán cho người bán cũng được cải thiện theo, năm 2020 Công ty trả được 1.441,7 tỷ đồng/1.492,9 tỷ đồng, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2020: 238,8 tỷ đồng tăng 51,3 tỷ đồng so với số dư đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV số tiền: 2 tỷ đồng.

- Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

+ Vốn chủ sở hữu:

Đầu kỳ: 58.635.723.685 đồng

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 đồng

Cuối kỳ: 62.006.527.885 đồng

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 đồng

- Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn) | 71,3% | 77,4% | |
| - Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn | 49,5 % | 46,2% | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,88 | 0,89 | |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 7,46 | 7,82 | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bq (lần) | 14,51 | 10,2 | |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 218 % | 272 % | |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | 0,47% | 0,65 % | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 11,96 % | 15,6 % | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) | 1,41 % | 1,8 % | |
| -Hệ số Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần | 2,07% | 0,69 % | |

Các chỉ tiêu chủ yếu công tác kế toán, tài chính: Phụ lục 2.

2.10. Công tác an ninh, an toàn, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống mưa bão, bảo vệ môi trường

* Công tác AT-VSLĐ, PCCC

Ngay đầu năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch AT-VSLĐ năm 2020 gồm 5 nội dung với tổng giá trị là 6.625 triệu đồng, kết quả thực hiện đạt 7.307,2 triệu đồng tương ứng đạt 110,3% kế hoạch năm. Cụ thể, Công ty đã thực hiện:

- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% CBCN, người lao động và người làm nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ theo đúng quy định;

- Trang bị đầy đủ, kịp thời các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động với tổng giá trị thực hiện: 1.563,3/1.187,2 (triệu đồng), đạt 129% kế hoạch năm;

- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đến hạn và theo kế hoạch;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 765/769 người, tương ứng đạt 99,5%; khám sức khỏe chuyên đề cho lao động nữ là 173 người; kiểm tra sức khỏe đợt 2 cho người lao động bao gồm: Người lao động làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ, nặng nhọc, độc hại, phát hiện bệnh nghề nghiệp và kiểm tra sức khỏe cho những người làm việc trên cao.

Năm 2020, Công ty không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra 17 vụ TNLĐ nhẹ làm 16 người bị

thương (so với năm 2019 tăng 9 vụ = 8 người) và 01 vụ cháy tại bể chứa dầu nhiệt luyện tại Phân xưởng Cơ khí 2. Các trường hợp TNLĐ có nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, thiếu quan sát,... và các vụ việc đều được tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản*

- Công ty tiếp tục thực hiện xã hội hóa thuê dịch vụ bảo vệ, phối hợp cùng với lực lượng bảo vệ của Công ty thực hiện tốt: các kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tài sản và sẵn sàng trực chiến đầu trong các ngày Lễ, Tết. Thực hiện việc giám sát xuất, nhập vật tư, hàng hóa ra vào Công ty đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong Công ty, công trường và trên địa bàn.

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB,CN, NLĐ được giải quyết kịp thời nên không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự theo chỉ tiêu phân bổ của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả (01 chiến sỹ).

** Công tác Phòng chống mưa bão – Bảo vệ môi trường*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức phòng chống mưa bão và PCTT- TKCN; tổ chức chống dột mái nhà xưởng, nạo vét, khai thông các hồ lắng và hệ thống thoát nước trong Công ty; đo kiểm tra, sửa chữa 1.010 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét. Năm 2020 Công ty đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.176/2.120 (triệu đồng) bằng 103% so với kế hoạch năm. Tổ chức theo dõi diễn biến khi có thiên tai, triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h.

- Công tác Môi trường: Công ty đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đạt giá trị 2.692/2.460 (triệu đồng), tương ứng đạt 117,5% kế hoạch năm. Công tác phân loại, thu gom chất thải trong Công ty được thực hiện nghiêm túc, các chất thải được phân loại, thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý. Các công trình môi trường như: Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt đã được nâng cấp mức độ tự động hóa; Lò đốt chất thải nguy hại đã được sửa chữa bảo đảm ổn định công suất; Hệ thống xử lý nước thải mạ vẫn được duy trì hoạt động đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2020 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2020 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2020, từ đó, công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được kiên toàn, triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, Công ty đã đáp ứng yêu về tiết giảm chi phí, góp phần giảm giá thành sản xuất. Lợi nhuận đạt 12,12 tỷ/KH 10,3 tỷ đồng đạt 118%. Các biện pháp tiết kiệm chi phí góp phần tăng lợi nhuận trong năm 2020.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều chỉ tiêu của các Phân xưởng chưa đạt được kế hoạch do Công ty giao, chưa phát huy được nhiều sáng kiến cải tiến để hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Giá trị hàng hỏng năm 2020 theo thống kê thiệt hại trên 350 triệu đồng, chủ yếu ở là hàng Đức, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả chung về tiết kiệm chi phí của Công ty.

2.12. Các công tác khác

Phong trào văn hoá - thể thao của Công ty tiếp tục được duy trì. Công tác thi đua tuyên truyền luôn được quan tâm bằng việc rà soát hiệu chỉnh Quy chế thi đua, khen thưởng phù hợp với các quy định hiện hành, hoạt động thi đua tuyên truyền luôn bám sát hoạt động SXKD của Công ty, kịp thời có tin bài trên đài truyền thanh và các phương tiện thông tin khác cho các ngày lễ lớn của đất nước, Ngành, Công ty góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp, nâng cao uy tín của Công ty với các đối tác, với chính quyền và nhân dân địa phương.

Nhân dịp kỷ niệm 84 năm ngày Truyền thống Công nhân vùng mỏ - Truyền thống ngành Than, Công ty đã tổ chức tôn vinh 3 Phân xưởng, 28 tổ đội về trước kế hoạch, 71 công nhân có bàn tay vàng, 06 kỹ sư giỏi. Kết quả xét danh các hiệu thi đua năm 2020: 706/788 người đạt LĐT; 109 người đạt CSTĐ cấp cơ sở, 56/76 tổ đội LĐT, 41/76 tổ đội LDXS; đề nghị xét 25 cá nhân đạt CSTĐ cấp Tập đoàn; 10 bằng khen Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp cho 06 cá nhân, 02 tổ, 02 phân xưởng; Bằng lao động sáng tạo cho 05 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng cho 02 cá nhân; Huân chương lao động hạng Ba cho 01 cá nhân.

Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, chào mừng các ngày lễ lớn: các giải nội bộ (Giải cầu lông,...), tổ chức các trận giao hữu bóng đá, thể thao, các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương. Các hoạt động văn hóa, thể thao đã góp phần làm phong phú đời sống vật chất, tinh thần và gắn bó, đoàn kết người lao động tạo không khí vui tươi phấn khởi, động viên CB, CN, NLĐ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm, do đó thực hiện đạt vượt mức đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc tạo được sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy, HĐQT, Ban lãnh đạo và sự đồng thuận cao trong mọi công tác.

Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD vẫn còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phấn đấu hoàn thành kế hoạch của năm 2021.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

1.1. Thuận lợi

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng.
- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao.
- Kết quả thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả năm 2020, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2021.
- Công tác tái cơ cấu của Công ty trong những năm qua về cơ bản đã thực hiện đúng theo mô hình, ổn định về tổ chức tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong năm.

1.2. Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên thế giới vẫn diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Công tác khai thác và tìm kiếm việc làm sẽ gặp khó khăn trong và ngoài TKV (do lượng than còn tồn nhiều, nhu cầu sử dụng điện giảm,...vv; việc tham gia các dự án lớn ngày càng khó khăn).
- Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu.
- Thiết bị của Công ty phần lớn lạc hậu, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp trong khi môi trường SXKD ngày càng chặt chẽ, yêu cầu và tiêu chuẩn về hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu điều hành năm 2021:

Mục tiêu điều hành là: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

Mục tiêu chung là: AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 1.456 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.444,325 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 1.500 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 486,908 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 500 tỷ đồng;
- Tổng chi phí sản xuất: 1.445 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 11 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 870 người;
- Tiền lương bình quân: 8,880 triệu đồng/người/tháng;

- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 25,560 tỷ đồng;
- Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH: 7,75 lần;
- Bảo toàn và phát triển vốn.
- Các chỉ tiêu khác: *Theo Phụ lục 03 đính kèm.*

III. CÁC GIẢI NHIỆM VỤ, PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt

- Công tác tuyển dụng: Rà soát, hiệu chỉnh Quy chế Tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với Bộ luật lao động năm 2019, Luật việc làm, Quy định, Hệ thống Thang lương, bảng lương mới cũng như phù hợp với mô hình sản xuất của Công ty trong giai đoạn mới; xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2816/QĐ-VMC ngày 08/10/2019 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty; Chủ động linh hoạt trong công tác đào tạo, kèm cặp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và tay nghề cho CBCN; kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên tại từng giai đoạn một cách linh hoạt kết hợp với việc từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với tiêu chuẩn đã ban hành.

- Triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 - 2025.

3.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ - thiết bị

- Đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, từng bước đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc

JSCAT, phần mềm quản lý nhân lực; các thiết bị CNC; thiết bị được sửa chữa cải tạo sang THH-TĐH,...vv).

- Công tác công nghệ sản xuất: Ra soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử,...vv.

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mà đề nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm.

- Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Tự lực, kết hợp với các đơn vị trong và ngoài nước để phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy xúc lật hông,...); Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiêu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ,...vv).

- Đối với sản xuất cán thép: Ổn định sản xuất, đáp ứng nhu cầu với sản lượng đạt trên 80.000 tấn/năm. Phối hợp nghiên cứu, đầu tư công nghệ để phát triển thêm sản phẩm thép ray. Phát huy sáng kiến, áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và tiết giảm chi phí.

- Đối với sản xuất đúc: Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ thực hiện các nội dung trong “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”. Sử dụng có hiệu quả phần mềm JSCAT vào việc kiểm tra, đánh giá ổn định công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm đúc. Thực hiện việc tính giá thành thực tế đối với các sản phẩm đúc (theo tấn/sản phẩm) để quản trị được chi phí mang lại hiệu quả cho sản phẩm đúc.

- Đối với chế tạo cột chống, giá chống: Tiếp tục đề xuất, triển khai xây dựng các giải pháp KHCN mới để sản xuất các loại cột chống đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiến độ cung cấp cho các đơn vị với sản lượng trên 1.200 cột các loại/tháng; Tăng cường công tác giám sát, thực hiện nghiêm túc qui trình gia công, làm sạch, mạ theo công nghệ hiện hành; Sử dụng hiệu quả hệ thống xử lý nước thải mạ theo qui trình đã ban hành.

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng.

- Công tác đầu tư: Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng có hiệu quả thiết bị đã đầu tư.

- Công tác cơ điện và sửa chữa nội bộ: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Tăng cường dự phòng vật tư,

phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (cán thép, cột chống, máy công cụ,...vv); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời.

- Công tác bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về BVMT, kiên trì thực hiện quản lý văn minh; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Đức,...vv).

3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

Giữ vững, đồng thời nắm bắt cơ hội để phát triển mở rộng sản phẩm và thị trường trong TKV, đồng thời phát triển mạnh mẽ thị trường ngoài ngành.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả về các giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực, kỹ thuật công nghệ, đảm bảo chất lượng là tiền đề vững chắc cho công tác thị trường. Tiếp tục kiện toàn lực lượng nòng cốt, đẩy mạnh phân công, giao các chỉ tiêu cụ thể về doanh thu, sản lượng; Nâng cao chất lượng, trình độ, kỹ năng cho cán bộ làm công tác thị trường.

3.3.1. Đối với thị trường truyền thống trong TKV

- Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị.

- Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than lộ thiên trong năm 2021 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải,...vv.

- Các mỏ khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vít chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất thép chống lò, cột chống các loại đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị trong TKV.

- Các đơn vị kho vận, chế biến: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác nhập khẩu than và pha trộn than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

3.3.2. Thị trường khác trong và ngoài TKV

- Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, chế biến, vận chuyển than;

- Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Tập đoàn Hòa Phát, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường.

3.3.3. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phân đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2021, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2021 với mục tiêu **AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Các cơ đồng của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các đơn vị, tổ chức trong Công ty (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**THÀNH VIÊN HĐQT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2019 | Thực hiện năm 2020 | So cùng kỳ năm 2019 | So sánh KH năm 2020 |
|-------------|---|-------------|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/5 | 8=6/4 |
| I | Sản phẩm chủ yếu | | | | | | |
| I.1 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | 56 | 66 | 62 | 94 | 111 |
| 1 | Xe gạt D85A, khác | cái | 8 | 6 | 8 | 133 | 100 |
| 2 | Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u | cái | 9 | 9 | 10 | 111 | 111 |
| 3 | Máy xúc nhỏ | cái | 11 | 19 | 12 | 63 | 109 |
| 3 | Máy khoan xoay cầu CBIII | cái | 9 | 9 | 8 | 89 | 89 |
| 4 | Máy khoan các loại | cái | 1 | 2 | 3 | 150 | 300 |
| 6 | Xe máy, các thiết bị khác | cái | 18 | 21 | 21 | 100 | 117 |
| I.2 | Chế tạo thiết bị | tân | 1.500 | 1.695 | 1.134 | 67 | 76 |
| 1 | Thiết bị ngành than | tân | 600 | 546 | 325 | 60 | 54 |
| | Trong đó: | | | | | | |
| * | Chế tạo xe gông 3T | xe | 50 | 148 | 40 | 27 | 80 |
| * | Dàn chông thủy lực di động | dàn | 50 | - | - | - | - |
| * | Cột chông thủy lực | cột | 6.000 | 5.886 | 6.235 | 106 | 104 |
| * | Máy xúc VMC 500 | máy | 2 | - | - | - | - |
| 2 | Chế tạo thiết bị theo dự án trong TKV | tân | 400 | 347 | 482 | 139 | 121 |
| 3 | Thiết bị ngành khác | tân | 500 | 802 | 327 | 41 | 65 |
| I.3 | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | | 1.600 | 1.706 | 1.148 | 67 | 72 |
| 1 | Chế tạo phụ tùng ngành than | tân | 600 | 402 | 311 | 77 | 52 |
| 2 | Chế tạo phụ tùng ngành khác | tân | 500 | 802,8 | 423 | 53 | 85 |
| 3 | Phục hồi phụ tùng | tân | 500 | 501 | 414 | 83 | 83 |
| 4 | Sản xuất vò chông lò | tân | 30.000 | 30.535 | 34.891 | 114 | 116 |
| 5 | Thép chông lò | tân | 71.000 | 75.142 | 80.848 | 108 | 114 |
| | <i>Tr.đó: bán trong than</i> | | <i>40.500</i> | <i>47.092</i> | <i>45.658,8</i> | 97 | 113 |
| I.4 | Sản xuất và kinh doanh khác | tr.đ | 27.020,00 | 47.160,56 | 63.824 | 135 | 236 |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | tr.đ | 2.500 | 2.894 | 1.778 | 61 | 71 |
| | Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 23.020 | 42.802 | 76.880 | 180 | 334 |
| | Sản xuất ô xy, Ni tơ | tr.đ | 1.500 | 1.465 | 1.304 | 89 | 87 |
| II | Doanh thu | tr.đ | 1.389.000 | 1.501.300 | 1.494.693 | 99,6 | 108 |
| II.1 | Doanh thu sản xuất cơ khí | tr.đ | 1.360.700 | 1.453.640 | 1.412.287 | 97 | 104 |
| | Bán trong ngành than | tr.đ | 1.323.000 | 1.398.372,7 | 1.384.109 | 99 | 105 |
| | Bán ngoài ngành than | tr.đ | 37.700 | 55.267,0 | 28.177,9 | 51 | 75 |
| II.2 | Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác | tr.đ | 27.020 | 47.161 | 79.962 | 170 | 296 |
| 1 | XDCB tự làm và vật liệu xây dựng | tr.đ | 2.500 | 2.894 | 1.778 | 61 | 71 |
| 2 | Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 23.020 | 42.802 | 76.880 | 180 | 334 |
| 3 | Sản xuất ô xy, Ni tơ | tr.đ | 1.500 | 1.465 | 1.304 | 89 | 87 |
| II.3 | Doanh thu tài chính, khác | tr.đ | 1.280 | 500 | 2.444 | 489 | 191 |
| III | Giá vốn | tr.đ | 921.720 | 975.734 | 953.319 | 98 | 103 |

| | | | | | | | |
|-------------|---|-----------------------|-------------------------|------------------|------------------|-----|-----|
| 1 | Giá vốn phối thép và thép chống lò | tr.đ | 900.081 | 940.303 | 881.614 | 94 | 98 |
| 2 | Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị. | tr.đ | 21.639 | 35.430 | 71.705 | 202 | 331 |
| IV | Giá trị sản xuất | tr.đ | 466.000 | 525.066 | 538.930 | 102 | 115 |
| 1 | Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép chống lò) | tr.đ | 460.619 | 513.336 | 530.674 | 103 | 115 |
| 2 | Sản xuất và dịch vụ khác | tr.đ | 5.381 | 11.730 | 8.257 | 70 | 153 |
| | + Sản xuất VLXD | tr.đ | 2.500 | 2.894 | 1.778 | 61 | 71 |
| | + Kinh doanh vật tư, thiết bị | tr.đ | 1.381 | 7.372 | 5.175 | 70 | 375 |
| | + Sản xuất ô xy, ni tơ | tr.đ | 1.500 | 1.465 | 1.304 | 89 | 87 |
| V | Tổng chi phí sản xuất trong kỳ | tr.đ | 1.378.700 | 1.487.082 | 1.482.550 | 100 | 108 |
| V.1 | Chi phí trung gian | tr.đ | 1.238.453 | 1.332.155 | 1.322.259 | 99 | 107 |
| V.2 | Giá trị gia tăng | tr.đ | 123.233 | 139.805 | 144.647 | 103 | 117 |
| 1 | Tiền lương | tr.đ | 86.742 | 98.707 | 99.208 | 100 | 114 |
| | Trong đó: Quỹ lương VCQL | tr.đ | 1.930 | 2.081 | 2.089 | 100 | 108 |
| 2 | Bảo hiểm xã hội, y tế, BHYT, KPCĐ | tr.đ | 14.673 | 12.229 | 14.346 | 117 | 98 |
| 3 | KHTSCĐ | tr.đ | 21.818 | 28.869 | 31.093 | 107 | 142 |
| V.3 | Chênh lệch đầu cuối kỳ | tr.đ | | | | | |
| V.4 | Chi phí hoạt động tài chính | tr.đ | 17.014 | 15.122 | 15.644 | 103 | 92 |
| VI | Lợi nhuận | tr.đ | 10.300 | 14.219 | 12.143 | 85 | 118 |
| VII | Các chỉ tiêu về lao động tiền lương | | | | | | |
| 1 | Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX) | | 182 | 186 | 182,0 | 98 | 100 |
| 2 | Lao động bình quân theo định mức | Người | 870 | 860 | 860 | 100 | 99 |
| 3 | Tiền lương bình quân | 1000đồng/ Người/tháng | 8.309 | 9.429 | 9.613 | 103 | 116 |
| VIII | Kết quả thực hiện QTCP | | | | | | |
| | Chi phí KH điều chỉnh | Tr.đ | | | 1.483.609 | | |
| | Chi phí thực tế | Tr.đ | | | 1.482.572 | | |
| | Tiết kiệm +, bội chi - | Tr.đ | | | - 1.037 | | |
| IX | Nộp ngân sách | | Theo quy định hiện hành | | | | |

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2020

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Số đầu năm | Số cuối năm |
|--|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 294.947.021.784 | 354.529.110.622 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.876.134.347 | 2.214.510.706 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 193.745.980.829 | 202.198.063.206 |
| IV. Hàng tồn kho | 90.331.667.434 | 142.629.055.862 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 7.993.239.174 | 7.487.480.848 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 201.278.189.244 | 192.919.273.682 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | | |
| II. Tài sản cố định | 188.685.507.942 | 173.141.489.397 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 162.377.923 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 12.592.681.302 | 19.615.406.362 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 496.225.211.028 | 547.448.384.304 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 437.589.487.343 | 485.441.856.419 |
| I. Nợ ngắn hạn | 413.660.307.016 | 458.197.181.568 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 187.526.461.310 | 238.847.578.315 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 174.405.549.451 | 182.303.421.642 |
| * Phải trả ngắn hạn khác | 51.728.296.255 | 37.046.181.611 |
| II. Nợ dài hạn | 23.929.180.327 | 27.244.674.851 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 20.320.338.652 | 24.200.338.652 |
| * Phải trả dài hạn khác | 3.608.841.675 | 3.044.336.199 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 58.635.723.685 | 62.006.527.885 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 58.010.723.685 | 61.392.406.885 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 46.973.510.000 | 46.973.510.000 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 2.288.730.519 | 2.983.206.113 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 8.748.483.166 | 11.435.690.772 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 625.000.000 | 614.121.000 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 496.225.211.028 | 547.448.384.304 |

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2021 | Ghi chú |
|------------|--|------|------------------|---------|
| I | Sản phẩm chủ yếu | | | |
| 1 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | 59 | |
| | - Sửa chữa xe gạt D85A, D7R... | Máy | 6 | |
| | - Máy xúc EKG 4,6-5A, 8H, 10m3 | Máy | 10 | |
| | - Máy xúc thủy lực các loại, máy xúc đá trong lò, máy xúc lật... | Máy | 15 | |
| | - Máy khoan xoay cầu | Máy | 8 | |
| | - Máy khoan thủy lực các loại | Máy | 2 | |
| | - Sửa chữa thiết bị khác | Máy | 18 | |
| 2 | Chế tạo thiết bị | Tấn | 1.500 | |
| | - Chế tạo thiết bị ngành than | Tấn | 600 | |
| | Trong đó: | | | |
| | + Chế tạo máy xúc lật hông VMC | Máy | 2 | |
| | + Dàn chống thủy lực di động | Dàn | 0 | |
| | + Cột chống thủy lực | Cột | 6.000 | |
| | + Chế tạo xe goòng 3T | Xe | 50 | |
| | - Chế tạo TB sang tuyến, nhiệt điện, các dự án trong TKV | Tấn | 400 | |
| | - Chế tạo thiết bị ngành khác | Tấn | 500 | |
| 3 | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | Tấn | 1.600 | |
| | - Chế tạo phụ tùng ngành than | Tấn | 600 | |
| | - Chế tạo phụ tùng ngành khác | Tấn | 500 | |
| | - Phục hồi phụ tùng | Tấn | 500 | |
| 4 | Chế tạo, cán thép SVP | | | |
| | - Chế tạo vì lò | Tấn | 33.500 | |
| | - Cán thép vì chống lò | Tấn | 80.000 | |
| | Trong đó: Bán ra | Tấn | 46.500 | |
| 5 | Sản xuất và kinh doanh khác | Tr.đ | 11.175 | |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | Tr.đ | 1.600 | |
| | Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 8.000 | |
| | Sản xuất Ô xy - Ni tơ | Tr.đ | 1.575 | |
| II | Doanh thu | Tr.đ | 1.456.000 | |
| 1 | Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí | Tr.đ | 1.444.325 | |
| | - Bán trong ngành than | Tr.đ | 1.401.825 | |
| | - Bán ngoài ngành than | Tr.đ | 42.500 | |
| 2 | Doanh thu SX và kinh doanh khác | Tr.đ | 11.175 | |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | Tr.đ | 1.600 | |
| | Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 8.000 | |
| | Sản xuất Ô xy - Ni tơ | Tr.đ | 1.575 | |
| 3 | Doanh thu hoạt động TC & khác | Tr.đ | 500 | |
| III | Giá vốn | Tr.đ | 968.593 | |
| | - Giá vốn phối thép cán | Tr.đ | 961.073 | |
| | - Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính | Tr.đ | 7.520 | |
| IV | Giá trị sản xuất | Tr.đ | 486.908 | |
| | <i>Giá trị sản xuất cơ khí</i> | Tr.đ | 483.253 | |
| | <i>Sản xuất, dịch vụ khác</i> | Tr.đ | 3.655 | |
| | + Sản xuất VLXD | Tr.đ | 1.600 | |
| | + Kinh doanh vật tư thiết bị | Tr.đ | 480 | |
| | + Sản xuất Ô xy, ni tơ | Tr.đ | 1.575 | |
| V | Tổng chi phí sản xuất trong kỳ | Tr.đ | 1.445.001 | |
| V.1 | Chi phí trung gian | Tr.đ | 1.295.337 | |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2021 | Ghi chú |
|-------------|---|--------------------|----------------|----------------------|
| | Nguyên vật liệu | Tr.đ | 1.127.203 | |
| | Nhiên liệu | Tr.đ | 45.208 | |
| | Động lực | Tr.đ | 24.609 | |
| | Chi phí khác | Tr.đ | 78.112 | |
| | Chi phí thuê ngoài | Tr.đ | 20.206 | |
| V.2 | Giá trị gia tăng (GDP) | Tr.đ | 132.912 | |
| | Khấu hao tài sản | Tr.đ | 26.627 | |
| | Tiền lương | Tr.đ | 92.655 | |
| | <i>Trong đó: VCQL</i> | <i>Tr.đ</i> | <i>2.090</i> | |
| | Bảo hiểm xã hội, y tế, công đoàn | Tr.đ | 13.631 | |
| V.3 | Chênh lệch đầu cuối kỳ | Tr.đ | - | |
| V.4 | Chi phí hoạt động TC | Tr.đ | 16.751 | |
| VI | Lợi nhuận | Tr.đ | 11.000 | |
| | <i>Tỷ lệ LN/VCSH</i> | % | 16,78 | |
| VII | Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương | | | |
| 1 | Lao động định mức | người | 870 | |
| | <i>Trong đó (VCQL)</i> | <i>người</i> | <i>6</i> | |
| 2 | Tiền lương bình quân doanh nghiệp | 1000đ/ng/th | 8.875 | |
| | <i>Tiền lương bq người lao động</i> | <i>1000đ/ng/th</i> | <i>8.735</i> | |
| | <i>Tiền lương bq (VCQL)</i> | <i>1000đ/ng/th</i> | <i>29.028</i> | |
| | Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX) | đ/1000 đgtsx | 186 | (Không bao gồm VCQL) |
| VIII | Cổ tức | % | 10 | |
| IX | Nợ ngân sách | | 26.237 | |

PHỤ LỤC

Đính chính số liệu kết quả sản xuất kinh doanh sau khi quyết toán với TKV
(kèm theo Báo cáo số 881/BC-VMC, ngày 06/4/2021)

| TT | Nội dung | Đơn vị | Số liệu đính chính | | Trang số (trên báo cáo) |
|-----------|--|---------------|--------------------|-------------|----------------------------|
| | | | Số liệu cũ | Số liệu mới | |
| I | Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 | | | | |
| 1 | Tại Mục 1: Các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | | | | |
| - | Doanh thu thực hiện năm 2020 | Tr.đồng | 1.494.692 | 1.494.693 | 02 |
| - | Chi phí sản xuất | Tr.đồng | 1.482.572 | 1.482.550 | |
| - | Tiền lương bình quân | Nghìn.đ/ng/th | 9.478 | 9.613 | |
| 2 | Tại Phụ lục 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 | | | | |
| - | Chế tạo thiết bị | Tần | 1.157 | 1.134 | 21 |
| - | Chế tạo, phục hồi phụ tùng | Tần | 1.108 | 1.148 | |
| - | Chi phí trung gian | Tr.đồng | 1.322.155 | 1.322.259 | |
| - | Giá trị gia tăng | Tr.đồng | 139.805 | 144.647 | |
| - | Tiền lương, trong đó: Quỹ lương VCQL | Tr.đồng | 2.081 | 2.089 | |
| - | Khấu hao TSCĐ | Tr.đồng | 31.025 | 31.093 | |
| II | Phương hướng nhiệm vụ năm 2021 | | | | |
| 1 | Giá trị các dự án đầu tư | Tỷ đồng | 34,08 | 25,56 | 16 |
| 2 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH | Lần | 9,89 | 7,75 | 16 |

Số: 882 /BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020
Phương hướng nhiệm vụ năm 2021

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông 2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021, như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Hội đồng Quản trị

Năm 2020 là năm thứ ba của nhiệm kỳ HĐQT 2018-2023, các thành viên HĐQT gồm có:

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC DANH | CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG |
|----|------------------|-------------------------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch HĐQT | Kiểm nhiệm |
| 2 | Phạm Minh Tuấn | Thành viên HĐQT – GD Công ty | Kiểm nhiệm |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty | Kiểm nhiệm |
| 4 | Lê Việt Sự | Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty | Kiểm nhiệm |
| 5 | Nguyễn Anh Chung | Thành viên HĐQT | Kiểm nhiệm |

Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty và thảo luận nhằm kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể:

2.1. Năm 2020, HĐQT đã họp 10 phiên họp; ban hành 10 nghị quyết, quyết định và văn bản theo thẩm quyền. HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

(Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 như Giám đốc Công ty đã báo cáo trước Đại hội).

2.3. Chỉ đạo công tác đầu tư phát triển sản xuất:

Năm 2020 Giá trị đầu tư thực hiện so với kế hoạch là 17.602/19.944 triệu đồng, đạt 88%.

Các dự án đầu tư của Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành và của Tập đoàn TKV; các thiết bị đầu tư phát huy được hiệu quả; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc; nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa trong dây chuyền sản xuất.

2.4. Công tác tổ chức cán bộ

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và đi đến thống nhất về công tác tổ chức cán bộ trong HĐQT, Ban điều hành Công ty như sau:

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Lê Việt Sự.

- Thông qua và ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Tăng Bá Khang.

- Phê duyệt bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ giai đoạn từ năm 2016÷2020 và từ năm 2020÷2025 đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty.

2.5. Công tác thông tin, báo cáo và họp HĐQT: HĐQT đã tổ chức họp định kỳ, đột xuất khác theo đúng quy định; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, công bố thông tin đúng quy định, công khai, minh bạch.

2.6. Công tác giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ báo cáo định kỳ và tổ chức họp định kỳ các quý trong năm giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh,...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2020, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Năm 2020, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

2.7. Bổ trí Thành viên HĐQT độc lập

Việc bổ trí thành viên HĐQT độc lập Công ty theo quy định tại Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán năm 2019 và Thông tư số 116 TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020, công văn số 1611/TKV-TCNS ngày 15/04/2021 về việc bổ trí thành viên HĐQT độc lập của Công ty cổ phần niêm yết. Do trong thời gian ngắn việc chuẩn bị nhân sự tại Đại hội Cổ đông thường niên Công ty năm 2021 không kịp; đề nghị, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện việc bổ trí thành viên HĐQT độc lập vào thời gian thích hợp.

Năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động

đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Năm 2021 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức mới về lao động, việc làm, vốn và thị trường vẫn là vấn đề nóng, cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt, đại dịch COVID-19 vẫn có nguy cơ bùng phát. Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phân đầu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh năm 2021 do Giám đốc Công ty đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, giám sát việc điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

3. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng năng suất, giảm giá thành.

4. Chỉ đạo, thực hiện các giải pháp đổi mới công nghệ, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, điều hành Công ty. Thực hiện chặt chẽ các giải pháp tiết kiệm chi phí.

5. Căn đối, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư năm 2021. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành.

6. Quản trị Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

7. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

8. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của các Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 883 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được Đại hội đồng Cổ đông sửa đổi thông qua ngày 26/4/2018;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được soát xét và thẩm định;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC chấp nhận toàn phần. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua với những nội dung như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

| STT | CHỈ TIÊU | SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2020 | SỐ CUỐI KỲ 31/12/2020 |
|------------|---|--------------------------|--------------------------|
| A | Tài sản ngắn hạn | 294.947.021.784 | 354.529.110.622 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.876.134.347 | 2.214.510.706 |
| 1 | Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng | 2.876.134.347 | 2.214.510.706 |
| II | Các khoản phải thu ngắn hạn | 193.745.980.829 | 202.198.063.206 |
| 1 | Nợ phải thu khách hàng | 200.817.882.633 | 213.639.899.003 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.467.300.000 | 285.120.000 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 6.000.000 | 5.181.818 |
| 4 | Phải thu ngắn hạn khác | 20.234.952.443 | 21.059.500.804 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (32.780.154.247) | (32.791.638.419) |
| III | Hàng tồn kho | 90.331.667.434 | 142.629.055.862 |
| 1 | Hàng tồn kho | 94.036.687.415 | 142.750.016.177 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (3.705.019.981) | (120.960.315) |
| IV | Tài sản ngắn hạn khác | 7.993.239.174 | 7.487.480.848 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 5.611.600.231 | 7.487.480.848 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 2.381.638.943 | - |
| B | Tài sản dài hạn | 201.278.189.244 | 192.919.273.682 |

| STT | CHI TIÊU | SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2020 | SỐ CUỐI KỲ 31/12/2020 |
|------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| I | Tài sản cố định | 188.685.507.942 | 173.141.489.297 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 188.584.338.993 | 171.633.274.786 |
| | - Nguyên giá | 563.337.282.914 | 560.614.520.368 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (374.752.943.921) | (388.981.245.582) |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 101.168.949 | 1.508.214.611 |
| | - Nguyên giá | 523.444.170 | 2.228.444.170 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (422.275.221) | (720.229.559) |
| II | Tài sản dở dang dài hạn | | 162.377.923 |
| 1 | Chi phí XDCB dở dang | | 162.377.923 |
| III | Tài sản dài hạn khác | 12.592.681.302 | 19.615.406.362 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 12.592.681.302 | 19.615.406.362 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 496.225.211.028 | 547.448.384.304 |
| C | Nợ phải trả | 437.589.487.343 | 485.441.856.419 |
| I | Nợ ngắn hạn | 413.660.307.016 | 458.197.181.568 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 174.405.549.451 | 182.303.421.642 |
| 2 | Phải trả người bán ngắn hạn | 187.526.461.310 | 238.847.578.315 |
| 3 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 8.148.988.994 | 81.596.743 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.374.197.718 | 932.749.235 |
| 5 | Phải trả người lao động | 24.118.318.749 | 22.573.169.428 |
| 6 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 220.629.460 | 475.766.084 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 15.343.188.099 | 10.835.135.161 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 1.009.938.779 | 1.504.187.451 |
| 10 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 513.034.456 | 643.577.509 |
| II | Nợ dài hạn | 23.929.180.327 | 27.244.674.851 |
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 20.320.338.652 | 24.200.338.652 |
| 2 | Dự phòng phải trả dài hạn | 2.808.841.675 | 2.244.336.199 |
| 3 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 800.000.000 | 800.000.000 |
| D | Vốn chủ sở hữu | 58.635.723.685 | 62.006.527.885 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 58.010.723.685 | 61.392.406.885 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 46.973.510.000 | 46.973.510.000 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 2.288.730.519 | 2.983.206.113 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 8.748.483.166 | 11.435.690.772 |
| | - LNST chưa phân phối năm trước | 1.736.213.519 | 1.736.213.519 |
| | - LNST chưa phân phối kỳ này | 7.012.269.647 | 9.699.477.253 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 625.000.000 | 614.121.000 |
| 1 | Nguồn kinh phí | 625.000.000 | 614.121.000 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 496.225.211.028 | 547.448.384.304 |

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.500.800.243.862 | 1.492.249.238.762 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ | 1.500.800.243.862 | 1.492.249.238.762 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1.364.807.278.002 | 1.386.855.235.735 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 135.992.965.860 | 105.394.003.027 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 14.655.327 | 20.469.331 |
| 7 | Chi phí tài chính | 15.121.672.163 | 15.463.507.983 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>15.060.579.588</i> | <i>14.113.581.047</i> |
| 8 | Chi phí bán hàng | 15.175.877.092 | 9.313.567.063 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 74.630.612.028 | 70.227.946.860 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 31.079.459.904 | 10.229.450.452 |
| 11 | Thu nhập khác | 485.760.278 | 2.423.156.304 |
| 12 | Chi phí khác | 17.345.759.535 | 509.120.307 |
| 13 | Lợi nhuận khác | (16.859.999.257) | 1.914.035.997 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 14.219.460.647 | 12.143.486.449 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 7.207.191.000 | 2.444.009.196 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 7.012.269.647 | 9.699.477.253 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP) | 1.493 | 2.065 |

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|------------|--|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 59 | 65 |
| | - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 41 | 35 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 88 | 89 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | lần | 12 | 11 |
| | - Nợ phải trả/ Vốn CSH | lần | 7,4 | 7,8 |
| 003 | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,50 | 0,46 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 0,71 | 0,77 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 1,41 | 1,77 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 0,50 | 0,64 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu | % | 12,08 | 15,79 |

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm 2020, cổ tức của Công ty dự kiến chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là 10%, việc trích lập các quỹ, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 lúc đó Công ty mới thực hiện hạch toán phân chia cổ tức và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các Cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 884 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 2119/QC-BKS ngày 27 tháng 7 năm 2016.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2021 kết quả giám sát trên các mặt hoạt động đối với nhiệm vụ SXKD năm 2020 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2020 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020; Tình hình thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn;
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư;
- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng;
- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;
- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất;
- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, tham gia ý kiến tích cực, khách quan với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty về các nội dung của cuộc họp;
- Hàng quý Ban Kiểm soát thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020

Kết quả giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 thông qua các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|--------------------|----------------------------------|---------------------------|------------------|
| 1. Doanh thu | Tr.đ | 1.389.000 | 1.494.693 | 107,6 |
| 2. Giá trị sản xuất | Tr.đ | 466.000 | 538.930 | 115,6 |
| 3. Tổng quỹ tiền lương | Tr.đ | 86.742 | 99.208 | 114,3 |
| 4. Thu nhập bình quân | Tr.đ/ng/thg | 8,309 | 9,613 | 115,7 |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 10.300 | 12.143 | 118 |
| 6. Cổ tức | % | 10 | 10 | 100 |

2. Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT

- Trong năm 2020 HĐQT thực hiện chức năng quản lý và điều hành Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định;

- HĐQT ban hành 10 Nghị quyết, 04 Quy chế và 03 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện đạt mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 đề ra, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

- Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế như: Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 802/QĐ-VMC ngày 30/3/2020; Quyết định số 918/QĐ-VMC ngày 08/04/2020 V/v Ban hành Quy chế thực hiện hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương; Quyết định số 3600/QĐ-VMC ngày 26/11/2020 của HĐQT V/v

Ban hành Quy chế hoạt động của Chi nhánh Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN.

Đánh giá về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT trong năm 2020

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2020 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Quyết định số 2225/QĐ-VMC ngày 10/8/2018 và Quyết định số 978/QĐ-VMC ngày 13/04/2020;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động xây dựng kế hoạch công tác theo lĩnh vực được phân công, chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều có sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT. Nghị quyết ban hành được tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của Cổ đông như: Lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức,...vv đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra;

Thông qua việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực, tính năng động của từng thành viên HĐQT trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty theo đúng định hướng, góp phần đem lại việc làm ổn định cho người lao động; về doanh thu tăng 7,4% so với KH; về lợi nhuận trước thuế tăng 17,8%; về thu nhập bình quân của người lao động tăng 15,6% so với KH. Tập thể các thành viên HĐQT thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là ổn định và phát triển sản xuất của Công ty.

3. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành Quyết định số 01 ngày 02/01/2020 V/v Ban hành các giải pháp chỉ đạo và điều hành thực hiện KHSXKD năm 2020; Quyết định số 02 ngày 02/01/2020 V/v Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2020 của các đơn vị trong Công ty; Quyết định số 2569/QĐ-VMC ngày 25/8/2020 V/v Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả sắt thép phế liệu; Quyết định số 3895/QĐ-VMC ngày 21/12/2020 V/v Quy định quản lý giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ nội bộ của Công ty,...vv;

- Tiếp tục điều hành có hiệu quả giải pháp nâng cao dây chuyền cán thép; Giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn

tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty để chủ động điều hành theo nhu cầu của thị trường; Chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi phí bằng tiền khác;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động khai thác tốt công việc từ ngoài ngành than, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị truyền thông trong TKV đem lại việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu theo KH PHKD như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh (%) TH/KH |
|----------|---------------------------------|------------|---------------|----------------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Chế tạo thiết bị | | | | |
| | - Thiết bị ngành than | Tấn | 600 | 353 | 58,9 |
| | + Cột chống thủy lực các loại | Cột | 6.000 | 6.644 | 110,7 |
| | + Giá khung thủy lực di động | Dàn | 50 | - | |
| | - Máy xúc VMC 500 | Máy | 2 | - | |
| | - Xe goòng 3 tấn | Xe | 50 | - | |
| | - Xe goòng 1 tấn | Xe | - | 40 | |
| | - Thiết bị theo dự án trong TKV | Tấn | 400 | 482 | 120,5 |
| | - Thiết bị khác | Tấn | 500 | 326 | 65,3 |
| 2 | Chế tạo phụ tùng | | | | |
| | - Phụ tùng ngành than | Tấn | 600 | 891 | 148,5 |
| | - Phụ tùng khác | Tấn | 500 | 425 | 85 |
| | - Vì chống lò các loại | Tấn | 30.000 | 34.891 | 116,3 |
| | - Thép cán vì lò | Tấn | 71.000 | 80.847 | 113,9 |
| | <i>Trong đó: Bán ra</i> | <i>Tấn</i> | <i>40.500</i> | <i>45.658</i> | <i>112,7</i> |
| 3 | Sửa chữa thiết bị xe máy | | | | |
| | - Xe gạt các loại | Cái | 8 | 8 | 100 |
| | - Máy xúc 4,6; 5A; 8u | Cái | 9 | 10 | 111 |
| | - Máy xúc thủy lực các loại | Cái | 11 | 12 | 109 |
| | - Máy khoan xoay cầu | Cái | 9 | 8 | 89 |
| | - Máy khoan khác | Cái | 1 | 3 | 300 |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh (%) TH/KH |
|----|---------------------------------|------|------------------|-------------------|-------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| | - Thiết bị khác | Cái | 18 | 21 | 116,7 |
| 4 | Phục hồi phụ tùng | Tân | 500 | 398 | 80 |
| 5 | Doanh thu | Tr đ | 1.389.000 | 1.494.693 | 107,6 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tr đ | 10.300 | 12.143 | 117,8 |
| 7 | Thu nhập bình quân (trđ/ng/thg) | Tr đ | 8,309 | 9,613 | 115,7 |
| 8 | Cổ tức | % | 10 | 10 | 100 |
| 9 | Giá trị ĐTXDCB | Tr đ | 19.945 | 16.251 | 81,4 |

Ban Giám đốc trong năm 2020 đã thực hiện tốt chức năng chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT Công ty. Ban hành các giải pháp quản lý, điều hành sản xuất năm 2020 kịp thời, có hiệu quả, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra như: Về doanh thu, lợi nhuận, về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, hoàn thành các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và địa phương, đảm bảo thu nhập tiền lương cho người lao động được nâng cao, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông ở mức cao, vốn kinh doanh của các cổ đông được sinh lời trong điều kiện đối với doanh nghiệp cơ khí có khó khăn về vốn, việc làm.

III. Giám sát các mặt hoạt động khác

1. Quản lý vốn, bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 58.635.723.685 đ

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 62.006.527.885 đ

Tổng số vốn điều lệ đến 31/12/2020: 46.973.510.000 đ

Trong đó:

- Vốn đầu tư của TKV: 19.251.000.000 đ bằng 40,98 %;

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và XNK Hải Đăng: 3.580.000.000 đ, bằng 7,62%;

- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam: 722.710.000 đ, bằng 1,53%;

- Công đoàn Công ty CP Chế tạo máy: 704.660.000 đ, bằng 1,5%;

- Công ty chứng khoán FPT: 300.000 đ, bằng 0,00063%;

- Vốn Cổ phần (các cổ đông cá nhân): 22.714.840.000 đ, bằng 48,36 %

- Công ty đã mở sổ sách theo dõi và hạch toán tình hình biến động của nguồn vốn theo quy định. Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đã bảo toàn và phát triển vốn.

- Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XD/CB trọng điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn hạn dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, mua vật tư, chi phí phục vụ sản xuất,...vv;

Tổng số vốn huy động trong năm (Các khoản vay ngân hàng): 478,554 tỷ đồng;

Trong đó:

- Vay chi đầu tư XD/CB: 14,899 tỷ đồng

- Vay chi hoạt động sản xuất kinh doanh: 463,65 tỷ đồng.

Số dư vốn vay đến 31/12/2020: 206,503 tỷ đồng;

Trong đó:

- Vốn vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại: 169,938 tỷ đồng

- Vay dài hạn các Ngân hàng: 34,545 tỷ đồng

- Vay cá nhân của CN Công ty 2,02 tỷ đồng

2. Quản lý tài sản

- Tổng giá trị tài sản đến 31/12/2020: 547,448 tỷ đồng, tăng so năm 2019 là 51,22 tỷ đồng. Trong đó tăng ở khoản phải thu khách hàng 12,8 tỷ đồng; tăng hàng tồn kho 48,71 tỷ đồng; tăng tài sản dài hạn khác 7,02 tỷ đồng;

- Đối với tài sản là vốn bằng tiền gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: Công ty đã mở sổ sách theo dõi các khoản thu chi theo thứ tự ngày tháng phát sinh và nội dung kinh tế phát sinh. Cuối tháng được xác nhận số dư trên sổ sách với số dư thực tế thông qua biên bản kiểm quỹ và xác nhận số phụ với các ngân hàng. Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được kiểm soát chặt chẽ, không để số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng quá lớn trên tài khoản, tập trung ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn với các ngân hàng và khách hàng nhằm giảm dư gốc vay và lãi phát sinh;

- Đối với khoản phải thu công nợ với khách hàng và phải thu công nợ khác: Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ theo Quyết định số 2689/QĐ-VMC ngày 28/9/2016 và thành lập hội đồng xử lý nợ theo Quyết định số 2630/QĐ-VMC ngày 14/9/2018 để phân công nhiệm vụ và quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Hội đồng xử lý nợ Công ty. Đối với khoản phải thu ngắn hạn khách hàng thường xuyên có số dư nợ phải thu lớn, Công ty đã chủ động làm việc với các khách hàng để thanh toán tiền hàng và thường xuyên thông báo các khoản nợ của các đơn vị mua thép lò và vỉ chống lò với Tập đoàn nhờ thu hộ thông qua bù trừ công nợ hoặc chuyển tiền trực tiếp về tài khoản của Công ty. Số tiền thanh toán bù trừ với các đơn vị về tiền thép lò trong năm 2020 là 1.072,64 tỷ đồng. Trong đó: Công ty CP Cơ khí mỏ và Đóng tàu: 419,81 tỷ đồng; Công ty CP Cơ khí ô tô Ưông Bí 231 tỷ đồng.

- Nợ phải thu khó đòi: Trong năm Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi vào chi phí. Tuy nhiên khoản nợ khó đòi của một số khách hàng đã được trích lập dự phòng từ những năm trước có số dư nợ đến cuối năm là 32,791 tỷ đồng, Công ty tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán. Đáng

chú ý là dự án nhiệt điện Sơn Động vẫn chưa quyết toán xong với tổng thầu HPE Trung Quốc với số tiền 9,3 tỷ đồng; số nợ phải thu về khoản nợ phải thu từ hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay từ năm 2015 số tiền 19,2 tỷ đồng vẫn chưa được thu hồi, các khoản nợ này đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo an toàn về tài chính khi gặp rủi ro trong nghĩa vụ thanh toán. Công ty đang tiếp tục làm việc với Công ty than Nam Mẫu về thu hồi hàng hóa cho vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 và làm việc với TKV, Tổng Công ty Điện lực - TKV về quyết toán với nhà thầu HPE Trung Quốc để thu hồi số nợ nhà thầu chưa thanh toán.

3. Giám sát đối với công tác quản lý vật tư

- Đối với quản lý hàng tồn kho: Công ty thực hiện nhập - xuất vật tư hàng hóa được theo dõi trên thẻ kho, định kỳ có xác nhận số dư trên thẻ kho giữa kế toán và thủ kho. Nhằm quản lý tốt hàng hóa trong kho, Công ty đã phân loại và lập hồ sơ đề xuất trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với những loại vật tư chậm luân chuyển, khó tiêu thụ, lạc hậu kỹ thuật nhằm từng bước xử lý bán thu hồi vốn. Hiện tại số dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn được trích lập đến cuối năm là 120.960.315 đ;

Giá trị thực hiện mua sắm vật tư trong năm 2020: 1.245,05 tỷ đồng/ 1.279,87 tỷ đồng theo Hợp đồng. Gồm có:

+ Vật tư mua trong TKV: 970,57 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua trong ngành có Hợp đồng: 970,51 tỷ đồng/ 978,38 tỷ đồng. Trong đó nhập mua phôi thép của Tổng Công ty Khoáng sản 87.371,24 tấn với giá trị 911,50 tỷ đồng.

- Giá trị vật tư mua trong ngành không có hợp đồng: 55,86 triệu đồng

+ Vật tư mua ngoài TKV: 274,48 tỷ đồng, Trong đó:

- Giá trị vật tư mua ngoài có hợp đồng: 273,07 tỷ đồng /301,49 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua ngoài không có hợp đồng: 1,40 tỷ đồng. Trong đó mua xăng dầu 1,02 tỷ đồng; vật tư nhỏ lẻ khác 380 triệu đồng.

Giá trị vật tư tồn kho nguyên vật liệu đến 31/12/2020 là 90,19 tỷ đồng, Trong đó: Tồn thép SVP 17, SVP 22, SVP27 do Công ty sản xuất là 2.235,41 tấn với giá trị 32,253 tỷ đồng; Tồn kho sắt thép phế liệu các loại 6.825,38 tấn với giá trị tồn kho 23,96 tỷ đồng;

Giá trị tồn kho vật tư đến thời điểm cuối năm 2020 đảm bảo tỷ lệ tồn kho ở mức thấp 4,35% trên tổng số vật tư đã xuất dùng cho sản xuất trong năm, dưới mức yêu cầu điều hành quản lý tồn kho vật tư của TKV.

Đánh giá chung về công tác quản lý, sử dụng vật tư

- Công ty đã thực hiện tốt Quy chế quản lý vật tư số 4089/QĐ-VMC ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Quy chế số 2020/QĐ-TKV ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tập đoàn V/v Ban hành quy chế quản lý vật tư của TKV;

- Việc mua bán vật tư, tài sản đều tuân thủ theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty đã ban hành, đảm bảo công khai, minh bạch trong từng khâu tổ

chức mua sắm thông qua họp Hội đồng giá hàng tuần, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của Công ty.

4. Giám sát thực hiện công tác sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ theo Thông báo số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 với giá trị: 19.315 triệu đồng, được thực hiện gồm các công trình sửa chữa sau:

| TT | Tên công trình | Kế hoạch (đồng) | Thực hiện (đồng) |
|------------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số | 19.315.000.000 | 17.145.022.470 |
| I | Tự làm | 3.950.000.000 | 10.437.261.106 |
| 1 | Dây chuyền cán thép vì lò | 2.500.000.000 | 9.006.456.643 |
| 2 | Máy đập 250 tấn | 250.000.000 | 222.872.642 |
| 3 | Máy cắt J21-250 | 300.000.000 | 300.310.990 |
| 4 | Cầu trục dầm kép số 2659 | 350.000.000 | 341.754.575 |
| 5 | Cầu trục dầm kép 5T số 2684 | 250.000.000 | 283.947.070 |
| 6 | Cầu trục dầm kép 16/3,2T 2685 | 300.000.000 | 281.919.186 |
| II | Thuê trong TKV | 1.270.000.000 | 1.145.935.411 |
| 7 | Xe tải KAMAZ 14P-0752 | 400.000.000 | 363.979.000 |
| 8 | Xe đầu kéo KAMAZ 14M-0651 | 450.000.000 | 405.205.000 |
| 9 | Xe tải tự đổ 14N- 1443 | 420.000.000 | 376.751.411 |
| III | Thuê ngoài TKV | 14.095.000.000 | 5.561.825.953 |
| 10 | Dây chuyền cán thép vì lò | 7.000.000.000 | 1.251.916.000 |
| 11 | Máy tiện đứng 1 trụ | 1.250.000.000 | 1.054.728.000 |
| 12 | Hệ thống nâng thăng nhiệt luyện | 2.000.000.000 | |
| 13 | Xe cầu TADANO | 2.200.000.000 | 1.968.058.000 |
| 14 | Nhà xưởng No2 | 1.645.000.000 | 1.287.123.953 |

Kết thúc năm 2020, giá trị sửa chữa lớn theo KHPHKD thực hiện hoàn thành theo quyết toán 17.145 tr đồng/19.315 tr đồng, bằng 88,7% KH; Số lượng các công trình sửa chữa thực hiện 12/13 công trình bằng 92% KH năm.

Công ty đã phân bổ chi phí SCL TSCĐ vào giá vốn theo đúng tiêu thức phân bổ và thời gian sử dụng của TSCĐ đã được sửa chữa.

Đánh giá về công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2020

Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 6326/TKV-KH ngày 23/12/2019 của TKV v/v thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2019. Việc lập dự toán, phê duyệt quyết toán sửa chữa lớn, xét chọn đơn vị sửa chữa, nghiệm thu bàn giao đưa tài sản sau chữa chữa lớn vào hoạt động và phân bổ các chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2020 được thực hiện theo đúng quy định, đúng chế độ.

5. Giám sát tình hình quản lý và thực hiện đầu tư năm 2020

Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2020 được TKV Thông báo điều chỉnh theo Công văn số 4823/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 V/v thông

báo kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2020 đạt 16.251 triệu đồng/19.945 triệu đồng bằng 81,4 % kế hoạch năm.

Số lượng công trình, hạng mục đầu tư trong năm 2020 Công ty thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt góp phần vào việc tăng thêm năng lực sản xuất cho Công ty và tạo đà cho phát triển sản xuất của Công ty trong những năm tiếp theo.

| TT | Tên công trình | Kế hoạch | Thực hiện |
|------------|--|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số | 19.945.000.000 | 16.251.488.410 |
| I | Dự án ĐT & PTSX 2019-2020 | 6.836.000.000 | 5.853.502.250 |
| 1 | Máy tiện CNC | 1.782.000.000 | 1.620.000.000 |
| 2 | Xe ô tô tự đổ 15 – 18 tấn | 1.650.000.000 | 1.400.000.000 |
| 3 | Xe ô tô đầu kéo | 2.420.000.000 | 2.070.000.000 |
| 4 | Máy nén khí 132 KW | 693.000.000 | 629.000.000 |
| 5 | Chi phí kiểm toán, TT, PD | 291.000.000 | 134.502.250 |
| | | | |
| II | Dự án ĐT hiện đại hóa TBCN | 12.679.000.000 | 9.705.249.673 |
| 1 | Thiết bị nhiệt luyện bề mặt | 1.100.000.000 | 995.000.000 |
| 2 | Cầu địa hình 25-30 tấn | 7.150.000.000 | 6.318.000.000 |
| 3 | Máy phát điện có bộ ATS | 1.980.000.000 | - |
| 4 | Cầu trục dầm đôi | 663.000.000 | 602.900.000 |
| 5 | Hệ thống quản lý nhân lực | 416.000.000 | 415.000.000 |
| 6 | Phần mềm thiết kế CN đúc | 1.290.000.000 | 1.290.000.000 |
| 7 | Chi phí lập BCKTKT, HSMT | 80.000.000 | 84.349.673 |
| III | Dự án ĐTDĐ & PTSX 2017-2018 | 87.000.000 | 108.586.013 |
| 1 | Chi phí kiểm toán, TT, PD | 87.000.000 | 108.586.013 |
| IV | Dự án nâng cao năng lực SX kết cấu thép | 56.000.000 | 51.661.474 |
| 1 | Chi phí kiểm toán, TT, PDQT | 56.000.000 | 51.661.474 |
| V | Dự án phục hồi TSCĐ 2019 | 60.000.000 | 55.908.000 |
| 1 | Chi phí kiểm toán, TT, PDQT | 60.000.000 | 55.908.000 |
| VI | Dự án chế tạo máy xúc VMC | 27.000.000 | 25.515.000 |
| 1 | Chi phí kiểm toán, TT, PDQT | 27.000.000 | 25.515.000 |
| VII | Dự án nâng cao NLTB dây chuyền cán thép | 200.000.000 | 451.066.000 |
| 1 | Lập BCKTKT | 200.000.000 | |
| 2 | Dây chuyền cán thép U,I | | 451.066.000 |

Nhận xét chung về công tác đầu tư 2020

Công ty đã thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông báo số 4823/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh; Trình tự thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định của pháp luật hướng dẫn như đối với công tác lập hồ sơ mời thầu, công tác đấu thầu qua mạng, quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng. Số lượng các dự án đầu tư

theo kế hoạch đã thực hiện đạt 94%; về giá trị thực hiện đạt 81,4 % KH. Tuy nhiên còn 01 dự án do công tác lập hồ sơ mời thầu, công tác đấu thầu qua mạng triển khai chậm nên không hoàn thành trong năm 2020 và phải chuyển sang quý I/2021 thực hiện đó là Dự án đầu tư Máy phát điện có bộ ATS với giá trị 1.980 tr đồng.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và có tốc độ tăng trưởng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những ý kiến đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Ban Giám đốc tiếp thu và có chỉ đạo cụ thể nhằm đáp ứng theo yêu cầu quản lý quy định. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

IV. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát

Năm 2020 là một năm đối với Công ty tuy có gặp một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh như công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất chung của Công ty, thiếu thợ sửa chữa thiết bị và thợ gia công cơ khí lạnh nghề, vật tư phục vụ sửa chữa thiết bị và chế tạo cột chống thủy lực có lúc chưa đáp ứng được cho sản xuất. Tuy nhiên kết thúc năm kế hoạch, Công ty đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV. Trong đó doanh thu sản xuất tăng 7,4% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế tăng 17,8 % so với kế hoạch đầu năm; Vốn của cổ đông và các nhà đầu tư được bảo toàn; Cổ tức đảm bảo cho các cổ đông 10% so với Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020.

Tuy nhiên về quản lý vốn và tài sản trong năm 2020 vẫn còn tồn tại những vấn đề chưa được giải quyết tháo gỡ như: Số lượng hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay mượn với giá trị lớn đến nay vẫn chưa thu hồi được; Giá trị tồn kho đối với vật tư thu hồi và vật tư sắt thép phế liệu với giá trị lớn chưa có phương án giải quyết; Tỷ lệ lao động gián tiếp vẫn còn cao so với yêu cầu quản lý,...vv.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 và công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết các nội dung sau đây:

1. Đề nghị Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết dứt điểm thu hồi hàng hóa đã cho Công ty than Nam Mẫu vay theo kế hoạch số 3679/VMC-KHVT ngày 02/12/2020 V/v Thu hồi hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay từ năm 2015;

2. Công ty cần có phương án sử dụng hiệu quả lượng sắt thép phế liệu tồn kho với khối lượng và giá trị lớn để tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tăng nhanh vòng quay hàng tồn kho;

3. Xác định, đánh giá những loại vật tư, BTP, TP chậm luân chuyển còn tồn kho đến 31/12/2020 để có phương án xử lý;

4. Cần sớm phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với Dây chuyền cán thép U, I theo Thông tư số 10/2020 ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với giá trị tài sản hình thành sau đầu tư;

5. Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, định biên lao động đối với lao động quản lý, phục vụ phụ trợ theo hướng dẫn của TKV và thực tế của Công ty.

V. Kế hoạch công tác năm 2021

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty. Thay mặt cổ đông thực hiện kiểm soát mọi hoạt động điều hành Công ty; Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Ban Giám đốc.

- Thẩm tra tính trung thực số liệu báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Thực hiện kiểm soát theo kế hoạch chương trình đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

- Giám sát việc thực hiện kiến nghị kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch kiểm soát năm 2021. Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Ban KSNB TKV (b/c);
- HĐQT Cty; Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông tham dự đại hội;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: *885* /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày *06* tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

I. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề theo Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020.

- Có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có năng lực trình độ với nhiều năm kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

II. Danh sách đề xuất các Công ty Kiểm toán

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15- Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà 319, Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

III. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá đây là các công ty kiểm toán độc lập có uy tín và chất lượng đối với báo cáo kiểm toán được phát hành, được nhiều đơn vị có lợi ích công chúng tin cậy ký hợp đồng thực hiện dịch vụ kiểm toán. Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao Giám đốc điều hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 886 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ CỔ TỨC VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-VMC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Công văn số 1658/TKV-KS ngày 20/4/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

| | |
|--|---------------------------|
| I. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020: | 9.699.477.253 đồng |
| 1. Trả cổ tức 10% vốn điều lệ: | 4.697.351.000 đồng |
| 2. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức | 5.002.126.253 đồng |
| 2.1. Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay: | 1.521.776.253 đồng |
| 2.2. Trích Quỹ đầu tư phát triển: | 0 đồng |
| 2.3. Quỹ thưởng Viên chức quản lý (bằng 1,0 tháng lương thực hiện của Người quản lý năm 2020): | 173.420.000 đồng |
| 2.4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 0,4 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2020): | 3.306.930.000 đồng |
| Trong đó: - Quỹ khen thưởng (80%): | 2.645.544.000 đồng |
| - Quỹ phúc lợi (20%): | 661.386.000 đồng |

Kính Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: **887** /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày **06** tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 27/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phân phối thù lao 2020 và kế hoạch thù lao 2021 như sau:

1. Thực hiện năm 2020

1.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Chức vụ | KH năm 2020 | TH năm 2020 |
|----|-----------------|----------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Phạm Minh Tuấn | Giám đốc | 357.000.000 | 387.000.000 |
| 2 | Lê Việt Sự | Phó Giám đốc | 317.000.000 | 343.000.000 |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Phó Giám đốc | 317.000.000 | 343.000.000 |
| 4 | Tăng Bá Khang | Phó Giám đốc | 317.000.000 | 343.000.000 |
| 5 | Phạm Thu Hương | Kế toán trưởng | 290.000.000 | 314.000.000 |
| 6 | Hoàng Mạnh Hùng | Trưởng BKS | 331.000.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 1.929.000.000 | 2.089.000.000 |

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | KH năm 2020 | TH năm 2020 |
|----|-------------|----------|--------------------|--------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Trưởng BKS | 01 | 331.000.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 331.000.000 | 359.000.000 |

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | KH năm 2020 | TH năm 2020 (Theo mức lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2020 đã được TKV phê duyệt) |
|----|-----------------|----------|--------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 61.680.000 | 80.184.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4 | 237.120.000 | 308.256.000 |
| 3 | Thành viên BKS | 2 | 105.120.000 | 136.656.000 |
| | Cộng | 7 | 403.920.000 | 525.096.000 |

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2021

2.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Chức vụ | Tiền lương tháng (KH năm 2021) | Tiền lương năm (KH năm 2021) |
|----|-----------------|----------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Phạm Minh Tuấn | Giám đốc | 32.300.000 | 387.000.000 |
| 2 | Lê Viết Sự | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 3 | Bùi Xuân Hạnh | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 4 | Tăng Bá Khang | Phó Giám đốc | 28.600.000 | 343.000.000 |
| 5 | Phạm Thu Hương | Kế toán trưởng | 26.100.000 | 314.000.000 |
| 6 | Hoàng Mạnh Hùng | Trưởng BKS | 29.900.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 174.100.000 | 2.089.000.000 |

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức Danh | Số người | Tiền lương tháng (KH năm 2021) | Tiền lương năm (KH năm 2021) |
|----|-------------|----------|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Trưởng BKS | 01 | 29.900.000 | 359.000.000 |
| | Tổng | | 29.900.000 | 359.000.000 |

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| T T | Chức Danh | Tiền lương tháng | Số người | Tỷ lệ | Tiền thù lao tháng | Tổng tiền thù lao KH năm 2021 |
|--------|-----------------|---------------------|-------------|-------|-----------------------|-------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 3 | | 4 | 5 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 25.700.000 | 1 | 20% | 5.140.000 | 61.680.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 24.700.000 | 4 | 20% | 4.940.000 | 237.120.000 |
| 3 | Thành viên BKS | 21.900.000 | 2 | 20% | 4.380.000 | 105.120.000 |
| | Cộng | 72.300.000 | 7 | | | 403.920.000 |

3. Phương thức chi trả:

Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao kế hoạch cho tháng đó; số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD thực hiện của Công ty (Quy thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số Người quản lý Công ty không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao tính theo tháng do Công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



Nguyễn Văn Tứ